

BỘ Y TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN  
*Traditional Medicine*

MÃ NGÀNH: 52720201

TRÌNH ĐỘ: Đại học

Cần Thơ, năm 2015

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 1032/QĐ-ĐHYDCT, ngày 26 tháng 8 năm 2015  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)*

### A. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Y học cổ truyền (Traditional Medicine)

Mã số: 52720201

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Theo hệ thống tín chỉ

### 1. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13/01/2012 về việc ban hành Bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Khoa học Sức khỏe, trình độ đại học;

- Quyết định số 1595/QĐ-ĐHYDCT ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ về việc ban hành Qui định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Quyết định số 471/QĐ-ĐHYDCT ngày 03/6/2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc ban hành Chương trình chi tiết bậc đại học ngành Y học cổ truyền.

### 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Bác sỹ Y học cổ truyền có y đức, có kiến thức cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp về Y học cổ truyền (YHCT) và Y học hiện đại (YHHĐ), có khả năng thừa kế và phát triển vốn YHCT, kết hợp hài hoà YHCT với YHHĐ trong phòng bệnh và chữa

bệnh, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.2.1. Thái độ**

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Coi trọng việc kết hợp Y học hiện đại với Y học cổ truyền;
- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp;
- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

### **2.2.2. Kiến thức**

- Có kiến thức khoa học cơ bản, Y học cơ sở về YHCT và YHHĐ làm nền tảng cho Y học lâm sàng;
- Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh của YHCT và YHHĐ;
- Có phương pháp luận khoa học của YHCT và YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học;
- Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

### **2.2.3. Kỹ năng**

- Chẩn đoán và xử lý các bệnh thường gặp và các trường hợp cấp cứu thông thường bằng YHCT và YHHĐ;
- Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa;
- Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường;
- Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của YHCT và YHHĐ;
- Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, nâng cao sức khoẻ cộng đồng và bảo vệ môi trường;
- Phát hiện sớm các dịch bệnh và tham gia phòng chống dịch bằng YHCT và YHHĐ;

- Tham gia các chương trình YHCT trong công tác thừa kế, xã hội hoá, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cũng như giám sát, đánh giá các công tác YHCT tại cơ sở;
- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Tham gia nghiên cứu khoa học;
- Sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ (ưu tiên Trung văn), tin học để nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

### **3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **3.1. Về thái độ**

**PLO 1.** Có lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, có ý thức trách nhiệm đối với gia đình, nhà trường và xã hội;

**PLO 2.** Nhận thức đúng về giá trị đạo đức, giá trị nghề nghiệp của ngành học; luôn rèn luyện bản thân về mặt y đức và có động cơ học tập đúng đắn;

**PLO 3.** Nhận thức đúng về tầm quan trọng, ý nghĩa của các môn học đối với quá trình học tập nói riêng và đối với nghề nghiệp nói chung;

**PLO 4.** Ý thức cao trong học tập để đạt thành tích học tập tốt;

**PLO 5.** Tích cực trong tự học, tự nghiên cứu, tham khảo và có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn;

**PLO 6.** Nêu cao tinh thần tự giác, chủ động, độc lập, sáng tạo, say mê học tập và rèn luyện, vận dụng tốt kiến thức kỹ năng đã học vào thực tế nghề nghiệp;

**PLO 7.** Tích cực tham gia các hoạt động chính khóa và ngoại khóa trong quá trình học tập;

**PLO 8.** Nghiêm túc chấp hành qui chế, nội qui, qui định của trường, của bệnh viện và các cơ sở thực hành, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, nghiêm túc trong học tập và trong thi cử;

**PLO 9.** Tôn trọng cán bộ nhà trường, giảng viên, người phục vụ, bạn bè và có tinh thần tương thân tương ái, hỗ trợ bạn bè cùng học tập, vượt khó và cùng tiến bộ;

**PLO 10.** Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập và nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ đối với nhà trường.

#### **3.2. Về kiến thức**

**PLO 11.** Có kiến thức khoa học cơ bản, Y học cơ sở về Y học cổ truyền (YHCT) và Y học hiện đại (YHHĐ);

**PLO 12.** Có kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh của YHCT và YHHĐ;

**PLO 13.** Có phương pháp luận khoa học của YHCT và YHHĐ trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học;

**PLO 14.** Nắm vững pháp luật và chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

### **3.3. Về kỹ năng**

**PLO 15.** Chẩn đoán và xử lý các bệnh và các trường hợp cấp cứu phổ biến bằng YHCT và YHHĐ;

**PLO 16.** Định hướng chẩn đoán một số bệnh chuyên khoa; Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường; Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của YHCT và YHHĐ;

**PLO 17.** Đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp để chăm sóc, nâng cao sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường;

**PLO 18.** Phát hiện sớm các dịch bệnh và tham gia phòng chống dịch bằng YHCT và YHHĐ;

**PLO 19.** Tham gia các chương trình YHCT trong công tác thừa kế, xã hội hoá, chăm sóc sức khỏe ban đầu cũng như giám sát, đánh giá các công tác YHCT tại cơ sở;

**PLO 20.** Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; Tham gia nghiên cứu khoa học.

### **3.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học:**

Về ngoại ngữ:

**PLO 21.** Sử dụng tối thiểu được một ngoại ngữ để đọc, hiểu và dịch được tài liệu chuyên môn;

**PLO 22.** Có khả năng giao tiếp bằng một ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Trung văn) ở mức độ thông thường.

Về tin học:

**PLO 23.** Có khả năng sử dụng được các phần mềm tin học văn phòng;

**PLO 24.** Biết được một số ứng dụng thống kê trong nghiên cứu khoa học Y học.

#### 4. THỜI GIAN THIẾT KẾ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Thời gian thiết kế của chương trình là 6 năm học với 12 học kỳ chính. Tùy theo năng lực học tập, sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian hoàn thành chương trình. Thời gian tối đa được phép để hoàn thành chương trình đào tạo là không quá 18 học kỳ, riêng các sinh viên được hưởng chính sách ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy được cộng thêm 04 học kỳ.

#### 5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

TT	Khối lượng học tập	Tín chỉ
1	<b>Kiến thức giáo dục đại cương, trong đó:</b>	<b>50</b>
	Kiến thức chung	32
	Kiến thức cơ sở khối ngành	18
2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó:</b>	<b>160</b>
	Kiến thức cơ sở của ngành	47
	Kiến thức ngành	105
	Kiến thức tự chọn	4
	Chuyên đề tốt nghiệp	4
<b>Tổng cộng</b>		<b>210</b>

#### 6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ giáo dục và đào tạo.

#### 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

##### 7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

TT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số TC	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
<b>Kiến thức chung</b>		<b>32</b>	<b>28</b>	<b>4</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin I	2	2	0
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin II	3	3	0
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0

5	Anh văn I	3	3	0
6	Trung văn cơ bản	3	3	0
7	Trung văn chuyên ngành	3	3	0
8	Tin học đại cương	2	1	1
9	Giáo dục thể chất	3	1	2
10	Giáo dục quốc phòng – An ninh I	3	3	0
11	Giáo dục quốc phòng – An ninh II	2	2	0
12	Giáo dục quốc phòng – An ninh III	3	2	1
<b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b>		<b>18</b>	<b>14</b>	<b>4</b>
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1	0
14	Dân số - Truyền thông Giáo dục sức khỏe	2	2	0
15	Sinh học và di truyền	3	2	1
16	Lý sinh	3	2	1
17	Hoá học	3	2	1
18	Tin học ứng dụng	2	1	1
19	Xác suất - Thống kê Y học	2	2	0
20	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	2	2	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>50</b>	<b>42</b>	<b>8</b>

## 7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

### 7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

TT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số TC	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
<b>Các học phần cơ sở ngành</b>		<b>47</b>	<b>31</b>	<b>16</b>
21	Giải phẫu I	3	2	1
22	Giải phẫu II	3	2	1
23	Mô phôi	3	2	1
24	Sinh lý I	3	2	1
25	Sinh lý II	3	2	1
26	Hoá sinh	3	2	1
27	Vi sinh	3	2	1

28	Ký sinh trùng	3	2	1
29	Giải phẫu bệnh	2	1	1
30	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	1
31	Dược lý	3	2	1
32	Dịch tễ học	2	1	1
33	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1
34	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	1
35	Ung thư đại cương	2	1	1
36	Thực vật dược	2	1	1
37	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền I	3	3	0
38	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền II	2	2	0
<b>Các học phần chuyên ngành</b>		<b>105</b>	<b>52</b>	<b>53</b>
39	Tiền lâm sàng I	2	0	2
40	Tiền lâm sàng II	2	0	2
41	Nội cơ sở I	3	1	2
42	Nội cơ sở II	3	1	2
43	Ngoại cơ sở I	3	1	2
44	Ngoại cơ sở II	3	1	2
45	Nội bệnh lý I	3	2	1
46	Nội bệnh lý II	2	1	1
47	Ngoại bệnh lý Y học hiện đại	4	2	2
48	Phụ sản Y học hiện đại	4	2	2
49	Nhi khoa Y học hiện đại	4	2	2
50	Nội bệnh lý Y học cổ truyền I	3	2	1
51	Nội bệnh lý Y học cổ truyền II	3	2	1
52	Nội bệnh lý Y học cổ truyền III	4	2	2
53	Ngoại bệnh lý Y học cổ truyền	3	1	2
54	Phụ sản Y học cổ truyền	2	1	1
55	Nhi khoa Y học cổ truyền	2	1	1
56	Da liễu Y học cổ truyền	1	1	0
57	Da liễu	2	1	1



58	Lao	2	1	1
59	Truyền nhiễm	2	1	1
60	Hồi sức cấp cứu	3	1	2
61	Phục hồi chức năng	2	1	1
62	Thần kinh	2	1	1
63	Tâm thần	2	1	1
64	Chương trình y tế quốc gia và tổ chức quản lý y tế	2	2	0
65	Thăm dò chức năng	1	1	0
66	Chế biến dược liệu	2	1	1
67	Thuốc Y học cổ truyền I	3	2	1
68	Thuốc Y học cổ truyền II	3	2	1
69	Dược lý lâm sàng	2	1	1
70	Phương tễ	3	2	1
71	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	2	1	1
72	Châm cứu học I, II	4	2	2
73	Châm cứu học III	4	2	2
74	Bệnh học ngũ quan	2	1	1
75	Bệnh học lão khoa Y học cổ truyền	2	1	1
76	Ôn bệnh	1	1	0
77	Thực tập cộng đồng I	1	0	1
78	Thực tập cộng đồng II	2	0	2
79	Y học cổ truyền cơ sở	3	1	2
80	Thương hàn luận	2	2	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>152</b>	<b>83</b>	<b>69</b>

### 7.2.2. Kiến thức tự chọn

Sinh viên chọn 02 học phần trong các định hướng cơ bản chuyên khoa

TT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số TC	Phân bố tín chỉ	
			LT	TH
81	Lý luận cơ bản Y học cổ truyền III	2	1	1
82	Định hướng cơ bản chuyên khoa Nội bệnh lý Y	2	1	1

	học cổ truyền			
83	Định hướng cơ bản chuyên khoa Châm cứu	2	1	1
84	Dưỡng sinh – Xoa bóp	2	1	1
<b>Tổng cộng số tín chỉ tự chọn</b>		<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
85	Chuyên đề tốt nghiệp	4	4	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>210</b>	<b>131</b>	<b>79</b>

## **8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình đào tạo chi tiết Y học cổ truyền được tổ chức thực hiện theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 1595/QĐ-ĐHYDCT ngày 10/10/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ về việc ban hành Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ.

### **8.1. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

Một năm học có hai học kỳ chính. Tùy theo điều kiện cụ thể, trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ dành cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được đăng ký học lại và những sinh viên khá, giỏi có điều kiện kết thúc sớm chương trình đào tạo. Một học kỳ chính có ít nhất 16 tuần thực học và kiểm tra thường xuyên, 2 tuần thi kết thúc học phần. Một học kỳ phụ (học kỳ hè) có từ 5 đến 7 tuần thực học và kiểm tra thường xuyên, 1 đến 2 tuần thi kết thúc học phần. Giữa hai học kỳ chính có một tuần nghỉ để sinh viên thực hiện việc đăng ký học phần.

Để tiếp thu 1 tín chỉ lý thuyết và tiền lâm sàng, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ tự học bắt buộc theo hướng dẫn của giảng viên. Phân bố giờ tự học như sau: khoảng 1/3 số giờ để tự học cá nhân, 1/3 số giờ để tiếp cận thư viện và internet và 1/3 số giờ để học nhóm.

Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho chương trình đào tạo, nhà trường dự kiến số học phần cho từng năm học, từng học kỳ (phụ lục). Tùy theo khả năng học tập, sinh viên có thể đăng ký để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập so với thời gian thiết kế của chương trình nhưng không vượt quá thời gian tối đa cho phép.

## **8.2. Các loại học phần**

a) Có hai loại học phần trong chương trình đào tạo: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

- Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

- Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

b) Khi tổ chức dạy - học các học phần được phân thành:

- Học phần tiên quyết: là học phần mà sinh viên phải tích lũy mới được đăng ký học học phần tiếp theo và phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo.

- Học phần học trước: học phần A là học phần học trước của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký và học xong học phần A.

- Học phần song hành: các học phần song hành với học phần A là những học phần mà sinh viên phải theo học trước hoặc học đồng thời với học phần A.

- Học phần điều kiện: là học phần mà sinh viên phải hoàn thành nhưng kết quả thi không dùng để tính điểm trung bình chung tích lũy bao gồm: Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất hoặc các học phần khác được quy định trong chương trình đào tạo.

- Học phần chính: là học phần chuyên ngành chính yếu của ngành đào tạo. Các học phần này nếu có cả lý thuyết và thực hành sẽ được tách điểm thi lý thuyết và thực hành riêng.

## **8.3. Tổ chức lớp học**

a) Lớp sinh viên chuyên ngành: lớp sinh viên chuyên ngành được tổ chức là lớp được hình thành từ đầu khóa học cho đến cuối khóa học. Lớp sinh viên chuyên ngành được ổn định trong suốt khóa học để triển khai các hoạt động có liên quan đến công tác học tập và rèn luyện. Mỗi lớp sinh viên chuyên ngành được tổ chức theo Quy chế Công tác học sinh sinh viên, có mã số riêng gắn với khoa/khóa đào tạo, có một cán bộ làm giáo viên chủ nhiệm phụ trách. Giáo viên chủ nhiệm đồng thời đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập cho sinh viên trong lớp về các vấn đề học vụ, giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và kế hoạch cho toàn bộ khóa đào tạo.

b) Lớp học phần: lớp học phần là lớp có sinh viên đăng ký theo học cùng 1 học phần, có cùng thời khóa biểu của học phần trong cùng một học kỳ. Mỗi lớp học phần được gán một mã số riêng. Lớp học phần do Bộ môn/Khoa chịu trách nhiệm quản lý. Mỗi lớp học phần có một trưởng lớp và phó lớp tham gia quản lý lớp học phần để thực hiện nhiệm vụ học tập môn học, các hoạt động tự quản khác trong giờ học. Trưởng lớp và phó lớp do giảng viên/bộ môn đề cử và quản lý.

Điều kiện mở lớp học phần:

- Số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ chính được trường quy định là 80 sinh viên.

- Số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ phụ được trường quy định là 30 sinh viên

Trong trường hợp đặc biệt và đối với các học phần chuyên ngành có đặc thù riêng, nếu khoa quản lý ngành yêu cầu các lớp học phần có sĩ số sinh viên thấp hơn mức quy định hiện hành thì sĩ số của một lớp học phần đó sẽ do Ban Giám hiệu quyết định.

#### **8.4. Đăng ký học phần**

a) Đầu mỗi năm học, trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết học phần, điều kiện tiên quyết, học trước, song hành để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

b) Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng Đào tạo đại học của trường; Sinh viên mới trúng tuyển không phải đăng ký học phần cho học kỳ đầu tiên của khóa học; từ học kỳ 2 trở đi trên cơ sở kế hoạch chương trình đào tạo dự kiến sinh viên có quyền đăng ký học phần dự định sẽ học. Sinh viên có thể đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ theo 3 hình thức: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn (đăng ký lại).

- Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước khi kết thúc học kỳ 4 tuần ;

- Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện ngay sau khi kết thúc học kỳ 2 ngày.

- Đăng ký muộn (đăng ký lại) là hình thức đăng ký được thực hiện sau khi kết thúc học kỳ 10 ngày cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi

sang học phần khác khi học phần đăng ký trước đó không có mở lớp. Không áp dụng cho những học phần lâm sàng chỉ có 1 tín chỉ.

c) Số tín chỉ tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký học trong mỗi học kỳ chính (trừ học kỳ cuối cùng của khóa học) được quy định như sau:

- Đối với sinh viên được xếp hạng học lực bình thường ( $\geq 2,00$  theo thang điểm 4 và  $\geq 5,00$  theo thang điểm 10): 16-22 tín chỉ cho mỗi học kỳ.

- Đối với sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu ( $\leq 1,5$  theo thang điểm 4 và  $< 5,00$  theo thang điểm 10): 10-14 tín chỉ cho mỗi học kỳ.

- Trong học kỳ phụ, sinh viên được phép đăng ký học không quá 08 tín chỉ.

- Trong trường hợp đặc biệt, sinh viên muốn đăng ký học ít hơn số tín chỉ tối thiểu thì phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

d) Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện về học phần tiên quyết, học trước, song hành của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

### **8.5. Thực hành và thực tế**

Thực hành và thực tế là những phần học bắt buộc sinh viên phải tham dự 100% số giờ và là điều kiện để được dự thi lý thuyết (nếu có). Việc tổ chức học và đánh giá được thực hiện theo đề cương chi tiết của từng học phần và được thông báo đến sinh viên khi bắt đầu học phần.

- Thực tập tại phòng thí nghiệm: sinh viên được bố trí thực tập theo từng nhóm tại các phòng thí nghiệm của trường trước khi tham gia thực hành lâm sàng và thực tế tại các cơ sở y tế. Các học phần thực tập tại phòng thí nghiệm chủ yếu là các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức cơ sở của ngành. Sinh viên đảm bảo thực hiện theo đúng Nội quy của phòng thí nghiệm.

- Thực hành lâm sàng: sinh viên được bố trí đi thực hành lâm sàng cho phần lớn các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tại các bệnh viện thực hành của trường bắt đầu từ học kỳ. Sinh viên đảm bảo thực hiện theo Quyết định 137/QĐ-ĐHYDCT ngày 04/03/2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc ban hành Quy định về thực tập lâm sàng tại bệnh viện và các Quy định của Bệnh viện mà sinh viên đến thực hành.

- Thực tế tại cộng đồng và các cơ sở y tế:

+ Đợt I: dự kiến vào năm thứ ba sau khi sinh viên đã học xong các môn học Y học cơ sở, Y học tiền lâm sàng, cơ sở chuyên ngành.

+ Đợt II: dự kiến vào cuối năm thứ năm sau khi sinh viên đã học xong một số môn chuyên ngành.

### **8.6. Đánh giá học phần**

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào điểm thành phần bao gồm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm kiểm tra thực hành...; điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 70%.

Điểm đánh giá học phần được quy định như sau:

- Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành (trừ học phần Giáo dục thể chất):

+ Điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hành: 30%. Trong đó điểm kiểm tra thực hành đạt là điều kiện để thi kết thúc học phần.

+ Thi kết thúc học phần: 70%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá điểm thành phần và trọng số của các điểm thành phần trên được quy định trong đề cương chi tiết của từng học phần.

- Đối với các học phần chỉ có thực hành và học phần Giáo dục thể chất:

+ Kiểm tra thường xuyên: 30%

+ Thi thực hành kết thúc học phần: 70%

- Đối với các học phần chính của ngành đào tạo nếu có cả lý thuyết và thực hành thì đánh giá học phần được tính điểm học phần lý thuyết riêng, học phần thực hành riêng.

b) Đối với phần thực hành: sinh viên phải tham dự 100% các giờ thực hành. Điểm thực hành có thể là điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành hoặc điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần trong học kỳ.

### **8.7. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

a) Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có

học phần bị điểm D<sup>+</sup>, D, F (dưới 1,5 theo thang điểm 4 hoặc dưới 5,00 theo thang điểm 10) ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

b) Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.

### 8.8. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

a) Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0,25.

b) Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến 0,25 sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại	Điểm chữ	Thang điểm 10	Xếp loại
Đạt	A <sup>+</sup>	Từ 9,00 đến 10,00	Xuất sắc
	A	Từ 8,00 đến cận 9,00	Giỏi
	B <sup>+</sup>	Từ 7,00 đến cận 8,00	Khá
	B	Từ 6,00 đến cận 7,00	Trung bình khá
Đạt	C	Từ 5,00 đến cận 6,00	Trung bình
Không đạt	D <sup>+</sup>	Từ 4,00 đến cận 5,00	Yếu
	D	Từ 3,00 đến cận 4,00	Kém
	F	Từ 0,00 đến cận 3,00	

### 8.9. Cách tính điểm trung bình chung

a) Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của điểm các học phần mà sinh viên đã đăng ký trong học kỳ (*kể cả học phần bị điểm D<sup>+</sup>, D, F*) với trọng số là số tín chỉ của các học phần đó.

Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy tính đến thời điểm xét (*không bao gồm học phần bị điểm D<sup>+</sup>, D, F và học phần điều kiện*).

b) Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Từ 9,00 đến 10,00	A <sup>+</sup>	4
Từ 8,00 đến cận 9,00	A	3,5
Từ 7,00 đến cận 8,00	B <sup>+</sup>	3,0

Từ 6,00 đến cận 7,00	B	2,5
Từ 5,00 đến cận 6,00	C	2,0
Từ 4,00 đến cận 5,00	D <sup>+</sup>	1,5
Từ 3,00 đến cận 4,00	D	0,5
Từ 0,00 đến cận 3,00	F	0,0

c) Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$  là điểm của học phần thứ i

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

### 8.10. Điều kiện xét tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập ;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên (thang điểm 4) hoặc 5,00 trở lên (thang điểm 10) ;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng-an ninh và Giáo dục thể chất.
- Có đơn gửi phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.